

Số: /BC-HĐND

Đồng Tháp, ngày tháng 3 năm 2021

## **BÁO CÁO**

**Thẩm tra Tờ trình số 05/TTr-UBND ngày 19 tháng 2 năm 2021 của UBND tỉnh về Ban hành Nghị quyết quy định mức chi và thời gian được hưởng chế độ bồi dưỡng khi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

Kính thưa:

- Chủ tọa kỳ họp
- Các vị đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND tỉnh
- Các vị khách dự

Để chuẩn bị cho kỳ họp chuyên đề HĐND tỉnh khoá IX, ngày 09 tháng 03 năm 2021, Ban Kinh tế - Ngân sách đã tổ chức cuộc họp Ban để thẩm tra Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định mức chi và thời gian được hưởng chế độ bồi dưỡng khi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Ban KT-NS xin báo cáo với các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thẩm tra như sau:

### **I. Thẩm tra Tờ trình:**

#### **1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết:**

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị quyết số 133/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. Việc UBND tỉnh xây dựng mức chi, quy định thời gian được hưởng chế độ bồi dưỡng khi phục vụ công tác bầu cử, trình HĐND tỉnh thống nhất trước khi áp dụng trên địa bàn Tỉnh là cần thiết và đúng quy định.

#### **2. Nội dung tờ trình:**

Qua xem xét, Ban KT-NS có ý kiến như sau:

a) Về nguyên tắc:

- Nội dung chi cơ bản bám sát các nội dung chi quy định tại Thông tư 102 của Bộ Tài chính, đồng thời có quy định chi tiết thêm một số nội dung chi, mức chi đặc thù thuộc thẩm quyền quy định của HĐND tỉnh trong nội dung chi khác của Tờ trình.

- Mức chi được xây dựng theo quy định tại Thông tư 102 của Bộ Tài chính, nhưng không vượt mức quy định tối đa của Thông tư và quy định cụ thể mức chi cho 03 cấp Tỉnh, huyện, xã. Đồng thời, có quy định thêm các nội dung chi, mức chi đặc thù của địa phương theo hình thức khoán đầu công việc. Các mức chi đề xuất lần này tăng so với các mức chi thực hiện các nhiệm vụ phục vụ công tác bầu cử Quốc hội khóa IV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021; các khoản thanh toán, quyết toán thực tế tăng so với định mức dự toán.

- Quy định thời gian được hưởng các chế độ hỗ trợ thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 102.

b) Về nội dung chi và mức chi: Ban KTNS cơ bản thống nhất với nội dung và mức chi như UBND tỉnh. Tuy nhiên, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung một số nội dung chi, mức chi cho phù hợp với tình hình thực tế, cụ thể như sau:

- Tại nội dung chi số 2 “Chi bồi dưỡng các cuộc họp” đề nghị điều chỉnh tăng mức chi đối với người chủ trì cấp huyện, cấp xã vì lý do người chủ trì cấp xã và thành viên dự họp có mức chi bằng nhau là chưa phù hợp, cụ thể:

+ Tại mục chi “Chi bồi dưỡng người chủ trì các cuộc họp của Ủy ban bầu cử, Ban Chỉ đạo bầu cử, các Tiểu ban giúp việc của Ủy ban bầu cử” cấp huyện tăng từ 150.000 đồng lên 180.000 đồng/người/buổi; cấp xã tăng từ 100.000 đồng lên 150.000 đồng/người/buổi.

+ Tại mục chi “Chi bồi dưỡng người chủ trì các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử” cấp huyện tăng từ 100.000 đồng lên 120.000 đồng/người/buổi; cấp xã tăng từ 80.000 đồng lên 100.000 đồng/người/buổi.

- Tại nội dung chi số 3 “Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử”

+ Đề nghị điều chỉnh tăng mức chi Trưởng đoàn giám sát cấp huyện từ 150.000 đồng lên 180.000 đồng/người/buổi.

+ Tại mục chi “Cán bộ, công chức viên chức phục vụ đoàn giám sát” trình chi có 01 mức là “CBCCVC phục vụ đoàn giám sát” đề nghị thực hiện theo quy định Thông tư 102 là chi cho cán bộ phục vụ trực tiếp và cán bộ phục vụ gián tiếp. Cụ thể:

. Cán bộ, công chức viên chức phục vụ **trực tiếp** đoàn giám sát” với mức chi 03 cấp là 80.000 đồng/người/buổi.

. Cán bộ, công chức viên chức phục vụ **gián tiếp** đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo)” với mức chi 50.000 đồng/người/buổi.

- Tại nội dung chi số 5 “Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử”:

+ Tại mục chi “Chi bồi dưỡng 02 ngày cao điểm phục vụ công tác bầu cử (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử), đề nghị bổ sung thêm cụm từ “áp dụng

đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

- Tại nội dung chi số 7 “Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử” đề nghị điều chỉnh lại như sau:

+ Người phục vụ trực tiếp người tiếp công dân, với mức chi 60.000 đồng/người/buổi tại 03 cấp.

+ Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân” với mức chi 50.000 đồng/người/buổi tại 03 cấp.

- Tại nội dung chi 13 “Chi khác”

+ Tại mục chi “Chi hỗ trợ cho việc lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử thực hiện theo mức khoán” đề nghị chia ra thành 2 nội dung:

. Chi hỗ trợ cho việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác đối với người ứng cử: thực hiện theo quy định hiện hành.

. Chi hỗ trợ cho việc lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử: thực hiện khoán 1.000.000 đồng/điểm.

\* Qua thẩm tra Ban KT-NS đề nghị bổ sung một số nội dung, mức chi không có trong nội dung UBND tỉnh trình, cụ thể như sau:

+ Chi cho ứng cử viên tiếp xúc cử tri nơi ứng cử để vận động tranh cử: mục chi này thực hiện theo Nghị quyết số 169/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 về Quy định chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Đại biểu HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh (khoản 2, mục III quy định kèm theo Nghị quyết 169 của HĐND tỉnh).

+ Chi tiếp các Đoàn kiểm tra của Trung ương về công tác bầu cử: mục chi này thực hiện theo Nghị quyết số 248/2019/NQ-HĐND ngày 16/07/2019 của HĐND Tỉnh về Ban hành quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, mức chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

+ Chi khen thưởng: mục chi này thực hiện theo quy định khen thưởng hiện hành.

(Chi tiết phụ kèm theo)

## **II. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết:**

Qua xem xét, Ban KTNS cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số nội dung như sau:

1. Về Tiêu đề Nghị quyết và tại Điều 1, đề nghị bổ sung thêm cụm từ “nội dung chi” sau cụm từ “Quy định” vì qua thẩm tra Ban KTNS có đề nghị bổ sung thêm một số nội dung chi, mức chi chưa được thể hiện trong quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết.

2. Về quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết: Ban KT-NS có một số ý kiến cụ thể như sau:

a. Tiêu đề của Quy định đề nghị bổ sung cụm từ “nội dung chi” vào trước cụm từ “mức chi”.

b. Tại Điều 2 đề nghị chuyển khoản 1 của Điều 2 thành Điều 5; tại khoản 5 đề nghị bổ sung cụm từ “không được thể hiện trong Quy định này” sau cụm từ “Các nội dung khác”.

c. Tại Điều 3 “Nội dung và mức chi” đề nghị điều chỉnh, bổ sung các nội dung như đã thẩm tra.

d. Tại khoản 1 Điều 4 đề nghị bổ sung từ “các” sau cụm từ “thời gian được hưởng”, bổ sung cụm từ “hỗ trợ” sau cụm từ “chế độ”; đề nghị bỏ nội dung khoản 2, Điều 4 vì đã được thể hiện trong nội dung chi của quy định; bỏ khoản 3 Điều 4 vì đã được bổ sung vào khoản 1; đồng thời bổ sung thêm một khoản vào Điều 4 với nội dung “Đối với khối lượng công việc triển khai thực hiện trước khi quy định tại Nghị quyết này có hiệu lực, thực hiện quyết toán theo chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ được cấp có thẩm quyền phê duyệt để quyết toán kinh phí theo quy định.

đ. Đề nghị bổ sung Điều 5 với nội dung như sau: “Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 do ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương đảm bảo.

### **III. Kiến nghị:**

Đề nghị UBND Tỉnh căn cứ nội dung, mức chi được ban hành, chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn cụ thể, chi tiết các nội dung chi, mức chi nhất là các khoản chi thuộc kinh phí khoán để lập dự toán ngân sách cho công tác bầu cử, thanh quyết toán kinh phí bầu cử ở các cấp.

Đề nghị HĐND tỉnh xem xét biểu quyết thông qua Nghị quyết.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban KT-NS HĐND tỉnh về Tờ trình và dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung chi, mức chi và thời gian được hưởng chế độ bồi dưỡng khi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu VT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**

**Trần Văn Hiếu**

## CHI TIẾT BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Ủy ban nhân dân tỉnh trình			Ban KT-NS thẩm tra				
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Nội dung chi	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Chi tổ chức hội nghị</b>	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 142/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.								
<b>2</b>	<b>Chi bồi dưỡng các cuộc họp</b>									
a	Các cuộc họp của Ủy ban bầu cử, Ban Chỉ đạo bầu cử, các Tiểu ban giúp việc của Ủy ban bầu cử									
	- Chủ trì	đồng/người /buổi	200.000	150.000	100.000	- Chủ trì	200.000	<u>180.000</u>	<u>150.000</u>	<u>Điều chỉnh tăng mức chi cấp huyện, xã</u>
	- Thành viên tham dự	đồng/người /buổi	100.000	100.000	100.000	- Thành viên tham dự	100.000	100.000	100.000	Thống nhất
	- Các đối tượng phục vụ	đồng/người /buổi	50.000	50.000	50.000	- Các đối tượng phục vụ	50.000	50.000	50.000	Thống nhất
b	Chi bồi dưỡng các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử									
	- Chủ trì	đồng/người /buổi	150.000	100.000	80.000	- Chủ trì	150.000	<u>120.000</u>	<u>100.000</u>	<u>Điều chỉnh tăng mức chi cấp huyện, xã</u>
	- Thành viên tham dự	đồng/người /buổi	80.000	80.000	80.000	- Thành viên tham dự	80.000	80.000	80.000	Thống nhất
	- Các đối tượng phục vụ	đồng/người /buổi	50.000	50.000	50.000	- Các đối tượng phục vụ	50.000	50.000	50.000	Thống nhất
<b>3</b>	<b>Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử</b>									
	Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành từ nguồn kinh phí bầu cử, các đoàn công tác được chi như sau:									
a	Trưởng đoàn giám sát	đồng/người /buổi	200.000	150.000	150.000	Trưởng đoàn giám sát	200.000	<u>180.000</u>	150.000	<u>Điều chỉnh tăng mức chi cấp huyện</u>
b	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	đồng/người /buổi	100.000	100.000	100.000	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	100.000	100.000	100.000	Thống nhất

**CHI TIẾT BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI**

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Ủy ban nhân dân tỉnh trình			Ban KT-NS thẩm tra				
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Nội dung chi	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Ghi chú
c	Cán bộ, công chức viên chức phục vụ đoàn giám sát	đồng/người /buổi	50.000	50.000	50.000	Cán bộ, công chức viên chức phục vụ <u>trực tiếp</u> đoàn giám sát	<u>80.000</u>	<u>80.000</u>	<u>80.000</u>	<u>Điều chỉnh nội dung và tăng mức chi 03 cấp</u>
d		đồng/người /buổi				Cán bộ, công chức viên chức phục vụ <u>gián tiếp</u> đoàn giám sát ( <u>lái xe, bảo vệ lãnh đạo</u> )	<u>50.000</u>	<u>50.000</u>	<u>50.000</u>	<u>Bổ sung nội dung và mức chi</u>
đ	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát của từng đoàn giám sát					Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát của từng đoàn giám sát				
	- Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát	đồng/báo cáo	500.000	400.000	300.000	- Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát	500.000	400.000	300.000	Thống nhất
<b>4</b>	<b>Chi xây dựng văn bản</b>									
a	Chi công tác soạn thảo các văn bản liên quan đến công tác bầu cử có phạm vi áp dụng trên địa bàn (tỉnh hoặc huyện hoặc xã), gồm: kế hoạch, văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác bầu cử, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử	đồng/văn bản	2.000.000	1.500.000	1.000.000	Chi công tác soạn thảo các văn bản liên quan đến công tác bầu cử có phạm vi áp dụng trên địa bàn (tỉnh hoặc huyện hoặc xã), gồm: kế hoạch, văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác bầu cử, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử	2.000.000	1.500.000	1.000.000	Thống nhất
c	Văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác bầu cử		Thực hiện theo quy định của <u>Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật</u> ; Nghị quyết số 112/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Tỉnh ngày 14/7/2017 về mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản QPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.			Thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 112/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Tỉnh ngày 14/7/2017 về mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản QPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.				

**CHI TIẾT BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI**

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Ủy ban nhân dân tỉnh trình			Ban KT-NS thẩm tra				
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Nội dung chi	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Ghi chú
<b>5</b>	<b>Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử</b>									
a	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:									
	- Trưởng Ban chỉ đạo, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch; Trưởng các Tiểu ban, <u>Tổ trưởng Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử</u>	đồng/người /tháng	2.200.000	2.000.000	1.800.000	- Trưởng Ban chỉ đạo, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch; Trưởng các Tiểu ban, <u>Tổ trưởng Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử</u>	2.200.000	2.000.000	1.800.000	<u>Thông nhất</u>
	- Thành viên Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử; Phó Trưởng các Tiểu ban, Tổ giúp việc; Kế toán trưởng của Ủy ban bầu cử	đồng/người /tháng	2.000.000	1.800.000	1.600.000	- Thành viên Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử; Phó Trưởng các Tiểu ban, Tổ giúp việc; Kế toán trưởng của Ủy ban bầu cử	2.000.000	1.800.000	1.600.000	<u>Thông nhất</u>
	- Thành viên các Tiểu ban, Tổ giúp việc; kế toán, thủ quỹ giúp việc cho Ủy ban bầu cử	đồng/người /tháng	1.800.000	1.600.000	1.400.000	- Thành viên các Tiểu ban, Tổ giúp việc; kế toán, thủ quỹ giúp việc cho Ủy ban bầu cử	1.800.000	1.600.000	1.400.000	<u>Thông nhất</u>
b	Chi bồi dưỡng cho các đối tượng được trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (cụ thể đối tượng được huy động, trung tập theo danh sách phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền); không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát, phục vụ trực tiếp dân	đồng/người /ngày	100.000	100.000	100.000	Chi bồi dưỡng cho các đối tượng được trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (cụ thể đối tượng được huy động, trung tập theo danh sách phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền); không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát, phục vụ trực tiếp dân ( <u>thời gian hưởng chế độ không quá 15 ngày</u> )	100.000	100.000	100.000	<u>Bổ sung nội dung chi</u>
	Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt	đồng/người /tháng	1.500.000	1.500.000	1.500.000	Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt	1.500.000	1.500.000	1.500.000	Thông nhất

**CHI TIẾT BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI**

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Ủy ban nhân dân tỉnh trình			Ban KT-NS thẩm tra				
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Nội dung chi	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Ghi chú
c	Chi bồi dưỡng 02 ngày cao điểm phục vụ công tác bầu cử (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)	đồng/người /ngày	150.000	150.000	150.000	Chi bồi dưỡng 02 ngày cao điểm phục vụ công tác bầu cử (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử), <u>áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản cấp có thẩm quyền phê duyệt</u>	<u>150.000</u>	<u>150.000</u>	<u>150.000</u>	<u>BS nội dung chi</u>
<b>6</b>	<b>Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử</b>									
	Thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, Thành viên Ủy ban bầu cử, Thường trực các Tiểu ban giúp việc cho Ủy ban bầu cử	đồng/người /tháng	400.000	400.000	400.000	Thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, Thành viên Ủy ban bầu cử, Thường trực các Tiểu ban giúp việc cho Ủy ban bầu cử	400.000	400.000	400.000	Thống nhất
	Thành viên các Tiểu ban, thành viên Tổ giúp việc, Kế toán giúp việc cho Ủy ban bầu cử	đồng/người /tháng	300.000	300.000	300.000	Thành viên các Tiểu ban, thành viên Tổ giúp việc, Kế toán giúp việc cho Ủy ban bầu cử	300.000	300.000	300.000	Thống nhất
<b>7</b>	<b>Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử</b>									
	- Người được giao trực tiếp tiếp công dân	đồng/người/buổi	80.000	80.000	80.000	- Người được giao trực tiếp tiếp công dân	80.000	80.000	80.000	
	- Cán bộ phục vụ việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	60.000	60.000	60.000	- <u>Người</u> phục vụ <u>trực tiếp</u> <u>người tiếp</u> công dân	60.000	60.000	60.000	Điều chỉnh nội dung
						- <u>Người</u> phục vụ <u>gián tiếp</u> <u>việc tiếp</u> công dân	50.000	50.000	50.000	Bổ sung nội dung
<b>8</b>	<b>Chi đóng hòm phiếu</b>									
	Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi không quá	đồng/hòm phiếu	350.000	350.000	350.000	Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi không quá	350.000	350.000	350.000	Thống nhất
<b>9</b>	<b>Chi khắc dấu</b>									



**CHI TIẾT BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI**

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Ủy ban nhân dân tỉnh trình			Ban KT-NS thẩm tra					
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Nội dung chi	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Ghi chú	
	Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa	đồng/dấu	250.000	250.000	250.000	Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa	250.000	250.000	250.000	Thống nhất	
<b>10</b>	<b>Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử</b>										
	Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa	đồng/bảng		1.500.000	1.500.000	Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa		1.500.000	1.500.000	Thống nhất	
11	Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của cơ quan Thường trực Ủy ban bầu cử	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.			Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của cơ quan Thường trực Ủy ban bầu cử	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.					
12	<b>Chi công tác tuyên truyền, in ấn, ấn phẩm phục vụ bầu cử</b>	<b>Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.</b>			<b>Chi công tác tuyên truyền, in ấn, ấn phẩm phục vụ bầu cử</b>	<b>Thuyết minh cụ thể nội dung chi này gồm những khoản nào? Để tránh bỏ sót.</b>					
<b>13</b>	<b>Chi khác</b>										
a	Chi hỗ trợ cho việc lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử thực hiện theo mức khoán	đồng/điểm	1.000.000			Chi hỗ trợ cho việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác và nơi cư trú đối với người ứng cử thực hiện theo mức khoán	<u>Chia ra hai mục chi</u>				
						- Hỗ trợ cho việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác đối với người ứng cử	Thực hiện theo quy định hiện hành				
						- Hỗ trợ cho việc lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử thực hiện theo mức khoán	1.000.000			đồng/điểm	

**CHI TIẾT BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI**

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Ủy ban nhân dân tỉnh trình			Ban KT-NS thẩm tra				
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Nội dung chi	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Ghi chú
b	Chi văn phòng phẩm và trang trí phòng bỏ phiếu	đồng/tổ	2.000.000			Chi văn phòng phẩm và trang trí phòng bỏ phiếu	2.000.000			Thông nhất
c	Chi cho công tác tuyên truyền của hai cấp huyện, xã	đồng/xã, phường, thị trấn	2.000.000			Chi cho công tác tuyên truyền của hai cấp huyện, xã	2.000.000			Thông nhất
d	Chi phí đi kiểm tra, giám sát, kiểm phiếu, vận chuyển phiếu, tổng hợp báo cáo, văn phòng phẩm, điện, nước, thông tin liên lạc, chi khác	đồng/xã, phường, thị trấn		40.000.000	10.000.000	Chi phí vận chuyển phiếu, văn phòng phẩm, điện, nước, thông tin liên lạc, chi khác ngoài nội dung chi của mục 13		40.000.000	10.000.000	Thông nhất
<b>14</b>						<b>Một nội dung chi không có trong nội dung trình. Ban KT-NS đề xuất bổ sung</b>				
<b>a</b>						<b>Chi cho ứng cử viên tiếp xúc cử tri nơi ứng cử để vận động tranh cử</b>				Bổ sung nội dung chi
						<u>- Hỗ trợ đối với ứng cử viên là CBCC hưởng lương từ ngân sách nhà nước (áp dụng như đại biểu tiếp xúc cử tri)</u>				Thực hiện theo Nghị quyết số 169/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 về Quy định chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Đại biểu HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh
						<u>-Hỗ trợ đối với ứng cử viên là người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước <b>Đề nghị tính bằng như đại biểu tiếp xúc cử tri.</b></u>				
						-Chi người phục vụ				
						<u>-Hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri (trang trí, nước uống)</u>				

**CHI TIẾT BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI**

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Ủy ban nhân dân tỉnh trình			Ban KT-NS thẩm tra					
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Nội dung chi	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Ghi chú	
<b>b</b>						<b>Chi tiếp các Đoàn kiểm tra của Trung ương về công tác bầu cử</b>	Thực hiện theo Nghị quyết số 248/2019/NQ-HĐND ngày 16/07/2019 của HĐND Tỉnh về Ban hành quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, mức chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp				Bổ sung nội dung chi
<b>c</b>						<b>Chi khen thưởng</b>	Thực hiện theo quy định hiện hành				